Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam

Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2014

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	1321/GP	ngày 18 tháng 7 năm 1995
Giấy Chứng nhận Đầu tư số	411033000030	ngày 7 tháng 7 năm 2008

Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty do do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đầu tư của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận được cấp ngày 3 tháng 6 năm 2013. Giấy Chứng nhận Đầu tư có giá trị trong 30 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Hội đồng Quản trị	Ông Veerapong Sawatyanon	Chủ tịch
	Ông Itthapat Sawatyanon	Thành viên
	Ông Huỳnh Tiến Việt	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2014)
	Ông Lê Trần Anh Tuấn	Thành viên (từ ngày 25 tháng 4 năm 2014)
	Ông Patrip Sawatyanon	Thành viên (đến ngày 25 tháng 4 năm 2014)
Ban Giám đốc	Ông Itthapat Sawatyanon	Tổng Giám đốc
	Ông Veerapong Sawatyanon	Phó Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Tòa nhà Anna, số 10, Công viên Phần mềm Quang Trung
Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty:

(a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 49 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và

(b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính này.

Thay mặt Hội đồng Quản trị

Veerapong Sawatyanon
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Maybank Kim Eng Securities Limited

KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street
District 1, Ho Chi Minh City
The Socialist Republic of Vietnam

Telephone +84 (8) 3821 9266
Fax +84 (8) 3821 9267
Internet www.kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty"), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Hội đồng Quản trị của Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 5 đến trang 49.

Trách nhiệm của Hội đồng Quản trị

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

KPMG Limited, a Vietnamese limited liability company and a member firm of the KPMG network of independent member firms affiliated with KPMG International Cooperative ("KPMG International"), a Swiss entity .

KPMG

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi muốn lưu ý người đọc đến Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính về việc trình bày lại số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 (số liệu báo cáo tài chính tại ngày 1 tháng 1 năm 2013), không bao gồm các khoản điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính, đã được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính trong báo cáo kiểm toán lần lượt ngày 5 tháng 6 năm 2014 và ngày 31 tháng 3 năm 2013.

Như một phần công việc kiểm toán báo cáo tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chúng tôi đã thực hiện các thủ tục kiểm toán đối với các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 36 được sử dụng để trình bày lại số liệu so sánh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 và tình hình tài chính tại ngày 1 tháng 1 năm 2013. Chúng tôi không được bổ nhiệm để kiểm toán, soát xét, hay thực hiện bất cứ thủ tục nào đối với các báo cáo tài chính cho các năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 hay ngày 31 tháng 12 năm 2012 (không được trình bày ở đây), ngoại trừ các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 36 của báo cáo tài chính. Do đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến hay bất kỳ hình thức đảm bảo nào đối với toàn bộ các báo cáo tài chính này. Tuy nhiên, theo ý kiến của chúng tôi, các điều chỉnh được trình bày trong Thuyết minh 36 đã được áp dụng một cách phù hợp.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hoạt động Chi nhánh số: 4114000230
Báo cáo soát xét số: 14-01-578

S.G.C.N: 4114000230-Đ.T.N.NG
CHI NHÁNH CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KPMG
QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH

Chu Kwang Puay
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0864-2013-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Duminda Mahesh Ranasingha
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 2256-2013-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2015

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	**100**		**207.288.445.324**	**211.098.043.346**
Tiền và các khoản tương đương tiền	**110**	**4**	**30.782.035.253**	**26.138.784.848**
Tiền	111		30.782.035.253	13.931.545.876
Các khoản tương đương tiền	112		-	12.207.238.972
Đầu tư tài chính ngắn hạn	**120**	**5**	**24.150.988.528**	**36.362.533.163**
Đầu tư ngắn hạn	121		24.177.898.526	36.362.533.163
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(26.909.998)	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	**130**	**6**	**87.377.724.319**	**102.968.663.564**
Phải thu khách hàng	131		48.767.213.038	46.644.413.222
Trả trước cho người bán	132		18.088.666.060	36.384.472.280
Các khoản phải thu khác	135		24.121.883.439	23.750.079.439
Dự phòng phải thu khó đòi	139	32(b)	(3.600.038.218)	(3.810.301.377)
Hàng tồn kho	**140**	**7**	**43.026.282.435**	**27.238.013.600**
Hàng tồn kho	141		45.546.652.256	29.029.658.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.520.369.821)	(1.791.644.534)
Tài sản ngắn hạn khác	**150**		**21.951.414.789**	**18.390.048.171**
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		779.071.400	558.582.973
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		17.839.818.032	13.297.016.166
Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước	154	8	1.160.340.685	612.365.037
Tài sản ngắn hạn khác	158		2.172.184.672	3.922.083.995
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 260)	**200**		**177.736.156.309**	**160.772.685.504**
Tài sản cố định	**220**		**116.454.416.412**	**109.275.418.449**
Tài sản cố định hữu hình	221	9	69.487.591.218	65.039.064.642
Nguyên giá	222		191.898.420.566	174.527.973.702
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(122.410.829.348)	(109.488.909.060)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224	10	46.421.046.627	43.995.299.723
Nguyên giá	225		57.905.484.034	58.812.609.425
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(11.484.437.407)	(14.817.309.702)
Tài sản cố định vô hình	227	11	138.058.954	241.054.084
Nguyên giá	228		2.889.589.140	2.856.141.900
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.751.530.186)	(2.615.087.816)
Xây dựng cơ bản dở dang	230	12	407.719.613	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Tài sản dài hạn khác	**260**		**61.281.739.897**	**51.497.267.055**
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	55.719.009.471	45.790.230.917
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	14	888.475.426	1.350.716.301
Tài sản dài hạn khác	268		4.674.255.000	4.356.319.837
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	**270**		**385.024.601.633**	371.870.728.850
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	**300**		**176.782.663.394**	**190.167.751.699**
Nợ ngắn hạn	**310**		**148.555.173.625**	**160.526.891.326**
Vay và nợ ngắn hạn	311	15	104.793.273.010	104.558.424.650
Phải trả người bán	312		10.066.091.153	14.278.744.350
Người mua trả tiền trước	313		223.774.196	1.300.015.025
Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	16	7.372.286.800	3.541.745.537
Phải trả người lao động	315		2.249.139.000	1.258.451.763
Chi phí phải trả	316	17	8.414.387.129	8.026.586.212
Phải trả khác	319	18	15.436.222.337	27.411.125.322
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	323	19	-	151.798.467
Vay và nợ dài hạn	**330**		**28.227.489.769**	**29.640.860.373**
Phải trả dài hạn khác	333		5.766.316.672	3.125.437.899
Vay và nợ dài hạn	334	20	21.185.922.739	25.240.199.118
Dự phòng dài hạn	337		1.275.250.358	1.275.223.356
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	**400**		**208.241.938.239**	**181.702.977.151**
Vốn chủ sở hữu	**410**	**21**	**208.241.938.239**	**181.702.977.151**
Vốn cổ phần	411	22	163.400.000.000	122.700.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		1.000.000.000	1.000.000.000
Cổ phiếu quỹ	414		(600.000.000)	(600.000.000)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418	23	14.907.569.048	14.907.569.048
Lợi nhuận chưa phân phối	420		29.534.369.191	43.695.408.103
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	**440**		385.024.601.633	371.870.728.850

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	31/12/2014	31/12/2013
Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	-	6.700.651.563
Ngoại tệ		
- Đô la Mỹ ("USD")	454.562	211.638

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:	Người duyệt:
Nguyễn Thị Thanh Bình	Veerapong Sawatyanon
Kế toán trưởng	*Phó Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Tổng doanh thu	**01**		374.107.359.188	**367.821.438.000**
Các khoản giảm trừ doanh thu	**02**		353.701.750	**212.318.747**
Doanh thu thuần (10 = 01 - 02)	10	25	373.753.657.438	367.609.119.253
Giá vốn hàng bán	11		260.531.875.354	261.963.090.784
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	**20**		**113.221.782.084**	**105.646.028.469**
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	12.638.454.532	8.285.890.386
Chi phí tài chính	22	27	19.815.361.100	14.797.396.166
Trong đó: Chi phí lãi vay	*23*		*13.302.129.728*	*13.222.927.115*
Chi phí bán hàng	24		30.099.302.663	26.658.100.793
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		23.845.790.658	27.065.516.204
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (24 + 25)}	**30**		52.099.782.195	45.410.905.692
Thu nhập khác	31	28	11.215.290.450	7.196.262.613
Chi phí khác	32	29	10.295.189.337	7.144.828.198
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	**40**		**920.101.113**	**51.434.415**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN

	Mã số	Thuyết minh	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế (50 = 30 + 40)	**50**		**53.019.883.308**	**45.462.340.107**
Chi phí thuế TNDN hiện hành	**51**	**30**	**9.678.218.846**	**6.871.706.867**
Chi phí/(lợi ích) thuế TNDN hoãn lại	**52**	**30**	**462.240.875**	**(466.262.940)**
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52)	**60**		**42.879.423.587**	**39.056.896.180**
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		31	2.847	3.209

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:	Người duyệt:
Nguyễn Thị Thanh Bình	Veerapong Sawatyanon
Kế toán trưởng	*Phó Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	**01**		**53.019.883.308**	**45.462.340.107**
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		24.597.031.174	21.500.575.130
Các khoản dự phòng	03		545.399.128	5.277.595.824
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04		-	(1.463.940.130)
Lợi nhuận từ hoạt động đầu tư	05		(7.367.590.045)	(11.289.450.104)
Chi phí lãi vay	06		13.302.129.728	13.222.927.115
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	**08**		**84.096.853.293**	**72.710.047.942**
Biến động các khoản phải thu	09		12.142.389.050	(29.976.013.566)
Biến động hàng tồn kho	10		(16.516.994.122)	(4.213.648.305)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(3.865.960.816)	3.359.976.555
Biến động chi phí trả trước	12		2.549.849.826	(1.432.794.590)
			78.406.137.231	**40.447.568.036**
Tiền lãi vay đã trả	13		(13.207.860.888)	(13.071.091.175)
Thuế thu nhập đã nộp	14		(6.184.411.901)	(6.730.420.214)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		2.640.878.773	4.949.465.482
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(214.297.494)	(4.076.816.604)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	**20**		**61.440.445.721**	**21.518.705.525**
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua tài sản cố định	21		(22.053.029.361)	(20.475.243.432)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		9.319.660.376	-
Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư	24		15.783.780.624	4.299.128.105
Tiền chi cho các khoản đầu tư	25		(20.498.950.381)	(15.880.464.574)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.471.221.264	1.574.238.669
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	**30**		**(15.977.317.478)**	**(30.482.341.232)**

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014
(Phương pháp gián tiếp –tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu	31		-	7.000.000.000
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	31		265.481.183.657	244.176.521.233
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(264.477.429.804)	(222.289.017.590)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		(23.584.346.475)	(15.479.261.360)
Tiền trả cổ tức	36		(18.239.285.216)	(112.009.796)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	**40**		**(40.819.877.838)**	**13.296.232.487**
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	**50**		**4.643.250.405**	**4.332.596.780**
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	**60**		**26.138.784.848**	**21.806.188.068**
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)	**70**	**4**	**30.782.035.253**	**26.138.784.848**

CÁC GIAO DỊCH PHI TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ

	2014 VND	2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Cấn trừ theo hợp đồng ba bên (Thuyết minh 5)	10.000.000.000	-
Thu nhập lãi được vốn hóa vào khoản đầu tư ngắn hạn	3.735.928.039	-
Cấn trừ khoản đầu tư khác với chi phí thuê đất phải trả cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn	12.699.116.807	-
Cổ phiếu thưởng được phát hành theo công bố trả cổ tức trong năm	40.700.000.000	-

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:	Người duyệt:
Nguyễn Thị Thanh Bình	Veerapong Sawatyanon
Kế toán trưởng	*Phó Tổng Giám đốc*

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Maybank Kim Eng Securities Limited

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty Cổ phần Siam Brothers Việt Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm Trụ sở chính, Chi nhánh và Chi nhánh 2. Các hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông ngư nghiệp;
- Sản xuất các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp;
- Sản xuất và phát triển phần mềm máy tính; và
- Thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và quyền phân phối các mặt hàng sử dụng trong lĩnh vực nông ngư nghiệp.

Công ty có một Trụ sở chính tại Tòa nhà Anna, số 10, Công viên phần mềm Quang Trung, Phường Tân Chánh Hiệp, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam ("Trụ sở chính") theo Giấy phép Đầu tư số 1321/GP do Ủy Ban Nhân Dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 18 tháng 7 năm 1995 trong thời gian 30 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư. Hoạt động chính của Trụ sở chính là sản xuất các loại dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông ngư nghiệp; sản xuất các phụ kiện, dụng cụ, trang thiết bị bằng nhựa dùng trong nông ngư nghiệp; phát triển phần mềm và thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và phân phối các sản phẩm dùng trong nông ngư nghiệp.

Công ty đã thành lập chi nhánh đầu tiên ("Chi nhánh") và chi nhánh thứ hai ("Chi nhánh 2") tại Tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận Đầu tư số 50212000009 ngày 30 tháng 9 năm 2008 và Giấy chứng nhận Đầu tư số 50212000021 ngày 11 tháng 1 năm 2011 cấp bởi Ban Quản lý Khu Kinh tế Tỉnh Long An trong thời gian 50 năm kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận Đầu tư. Hoạt động chính của Chi nhánh và Chi nhánh 2 là sản xuất và thực hiện quyền nhập khẩu, quyền xuất khẩu và phân phối các loại dây PP, dây PE, dây thừng bện dùng trong nông ngư nghiệp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có 427 nhân viên (31/12/2013: 397 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Theo Thông tư số 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty được yêu cầu sử dụng VND là tiền tệ kế toán từ ngày 1 tháng 1 năm 2012. Tuy nhiên, Công ty tiếp tục duy trì ghi sổ kế toán bằng Đô la Mỹ ("USD").

Để trình bày báo cáo tài chính này bằng VND, Công ty chuyển đổi các số liệu ghi sổ bằng USD để xác định các số liệu tương đương bằng VND với giả định Công ty thực hiện việc ghi sổ bằng VND từ đầu năm, cụ thể là:

Toàn bộ số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 được quy đổi sang VND với tỷ giá là 21.036 VND trên 1 USD, ngoại trừ vốn cổ phần đã được ghi nhận theo mệnh giá phát hành với khoản chênh lệch được ghi nhận vào quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu (Thuyết minh 23).

Số liệu so sánh bằng VND cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu và các thuyết minh của báo cáo tài chính được tính bằng cách quy đổi các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tỷ giá là 20.932 VND trên 1 USD theo Thông tư 244/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2009. Số liệu so sánh bằng VND tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 trình bày trong báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu được tính bằng cách quy đổi các số liệu trên báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 với tỷ giá là 21.036 VND trên 1 USD. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi này được trình bày trong khoản mục đối chiếu trong báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu.

Các khoản mục tài sản, nợ phải trả phi tiền tệ phát sinh trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch, ngoại trừ các khoản mục tài sản và nợ phải trả phi tiền tệ được mang sang từ ngày 31 tháng 12 năm 2013 được quy đổi từ USD sang VND với tỷ giá là 21.036 VND trên 1 USD.

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Maybank Kim Eng Securities Limited

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư được phản ánh theo nguyên giá. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn nguyên giá hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Sau khi khoản dự phòng này được lập, nếu giá trị có thể thu hồi của khoản đầu tư tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và sản phẩm dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Maybank Kim Eng Securities Limited

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5-20 năm
▪ nhà xưởng và máy móc	2-13 năm
▪ thiết bị văn phòng	3-8 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5-10 năm

(g) Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f).

Maybank Kim Eng Securities Limited

Maybank Kim Eng Securities Limited

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 20 đến 50 năm.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 20 đến 50 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và khoản phải trả khác thể hiện theo nguyên giá.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên ("nhân viên đủ điều kiện") tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Công ty.

Theo Luật Bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện hiện có tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ được xác định dựa trên số năm làm việc của nhân viên được tính đến 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước thời điểm thôi việc.

(m) Phân loại các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Công ty phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
  - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Maybank Kim Eng Securities Limited

Maybank Kim Eng Securities Limited

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà Công ty có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được Công ty xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được Công ty xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà Công ty có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và phải thu

(ii) Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được Ban Giám đốc phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
  - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
  - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
  - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Công ty xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Maybank Kim Eng Securities Limited

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(q) Chi phí vay

Chi phí vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi phát sinh.

(r) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Công ty không có lãi suy giảm cổ phiếu tiềm tàng.

(s) Các bên liên quan

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

Maybank Kim Eng Securities Limited

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền mặt	318.530.451	35.683.317
Tiền gửi ngân hàng	30.463.504.802	13.895.862.559
Các khoản tương đương tiền	-	12.207.238.972
	30.782.035.253	26.138.784.848

5. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Đầu tư ngắn hạn vào:		
▪ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn – một bên liên quan (*)	10.925.842.431	21.009.999.504
▪ Công ty TNHH Siam Holding Vietnam – một cổ đông (*)	8.155.788.784	10.720.008.708
▪ Cổ phiếu	3.989.652.447	4.030.623.816
▪ Nhân viên (*)	1.106.614.864	601.901.135
	24.177.898.526	36.362.533.163
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn	(26.909.998)	-
	24.150.988.528	36.362.533.163

(*) Đầu tư ngắn hạn thể hiện khoản cho vay không được đảm bảo và hưởng lãi suất từ 8,88% đến 13,00% một năm (2013: từ 8,88% đến 13,00% một năm).

Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản dự phòng lập trong năm.

Maybank Kim Eng Securities Limited

Biến động đầu tư ngắn hạn trong năm như sau:

	2014 VND	2013 VND
Số dư đầu năm	36.362.533.163	24.266.826.784
Tăng trong năm	20.498.950.381	15.880.464.574
Vốn hóa thu nhập lãi cho vay	3.735.928.039	-
Thanh lý khoản đầu tư	(13.720.396.250)	(4.384.758.195)
Cấn trừ với chi phí thuê đất phải trả	(12.699.116.807)	-
Cấn trừ theo hợp đồng ba bên (*)	(10.000.000.000)	-
Chuyển từ phải thu khác	-	600.000.000
Số dư cuối năm	24.177.898.526	36.362.533.163

(*) Theo hợp đồng ba bên được ký ngày 2 tháng 6 năm 2014 giữa Công ty TNHH Siam Holdings Vietnam, Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn và Công ty, cả ba bên đồng ý cấn trừ khoản phải trả cổ tức 10 tỷ VND cho Công ty TNHH Siam Holdings Vietnam với khoản Công ty cho Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn vay.

6. Các khoản phải thu ngắn hạn

Trong các khoản phải thu khách hàng có các khoản phải thu từ các bên liên quan sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Phải thu từ cổ đông		
Thương mại	16.026.236.037	12.648.118.997
Phi thương mại	18.102.080.442	17.283.561.956
Phải thu từ một bên liên quan		
Thương mại	-	14.821.451.784
Phi thương mại	2.200.941.840	2.709.868.038

Khoản phải thu phi thương mại từ các cổ đông và các bên liên quan không có đảm bảo, không hưởng lãi và được thu hồi khi có yêu cầu.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản phải thu khách hàng của Công ty với giá trị ghi sổ 50.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 50.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Trụ sở chính và Chi nhánh.

Maybank Kim Eng Securities Limited

Các khoản phải thu ngắn hạn khác bao gồm:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Phải thu khác từ các cổ đông	18.102.080.442	17.283.561.956
Phải thu khác từ các bên liên quan	2.200.941.840	2.709.868.038
Phải thu từ công ty cho thuê tài chính	1.734.363.070	1.466.168.110
Phải thu khác	2.084.498.161	2.290.481.335
	24.121.883.439	23.750.079.439

7. Hàng tồn kho

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Hàng mua đang đi đường	2.950.983.940	1.622.927.400
Nguyên vật liệu	10.282.086.049	7.174.727.959
Công cụ và dụng cụ	2.579.768.246	2.911.632.911
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.517.360.832	1.963.350.144
Thành phẩm	24.417.609.057	12.272.286.994
Hàng hóa	2.707.751.995	2.126.038.062
Hàng gửi đi bán	1.091.092.137	958.694.664
	45.546.652.256	29.029.658.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.520.369.821)	(1.791.644.534)
	43.026.282.435	27.238.013.600

Maybank Kim Eng Securities Limited

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm	1.791.644.534	-
Dự phòng lập trong năm	743.557.101	1.791.644.534
Hoàn nhập	(14.831.814)	-
Số dư cuối năm	2.520.369.821	1.791.644.534

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, hàng tồn kho có giá trị ghi sổ là 40.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 40.000 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Trụ sở chính và Chi nhánh.

8. Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước

Thuế phải thu Ngân sách Nhà nước phản ánh thuế thu nhập cá nhân trả trước.

Maybank Kim Eng Securities Limited

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa VND	Nhà xưởng và máy móc VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận chuyển VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	51.454.472.855	113.109.688.377	1.671.380.881	8.292.431.589	174.527.973.702
Tăng trong năm	3.286.194.140	18.263.850.366	61.818.002	-	21.611.862.508
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	7.085.734.307	-	-	8.975.734.307
Thanh lý	-	(13.217.149.951)	-	-	(13.217.149.951)
Số dư cuối năm	54.740.666.995	127.132.123.099	1.733.198.883	8.292.431.589	191.898.420.566
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	19.226.390.512	84.121.768.524	1.603.814.721	4.536.935.303	109.488.909.060
Khấu hao trong năm	2.953.987.713	7.823.870.745	22.825.457	1.195.912.596	11.996.596.511
Chuyển từ tài sản thuê tài chính	-	4.919.869.720	-	-	4.919.869.720
Thanh lý	-	(3.994.545.943)	-	-	(3.994.545.943)
Số dư cuối năm	22.180.378.225	92.870.963.046	1.626.640.178	5.732.847.899	122.410.829.348
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	32.228.082.343	28.987.919.853	67.566.160	3.755.496.286	65.039.064.642
Số dư cuối năm	32.560.288.770	34.261.160.053	106.558.705	2.559.583.690	69.487.591.218

Maybank Kim Eng Securities Limited

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản có nguyên giá 72.422 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (31/12/2013: 61.277 triệu VND).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, tài sản cố định hữu hình với giá trị ghi sổ là 43.158 triệu VND (31/12/2013: 48.050 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

10. Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính

	Nhà xưởng và thiết bị VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm	58.812.609.425
Tăng trong năm	18.945.603.784
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(8.975.734.307)
Thanh lý	(10.876.994.868)
Số dư cuối năm	57.905.484.034
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	14.817.309.702
Khấu hao trong năm	12.463.992.293
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(4.919.869.720)
Thanh lý	(10.876.994.868)
Số dư cuối năm	11.484.437.407
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	43.995.299.723
Số dư cuối năm	46.421.046.627

Các tài sản thuê này được thế chấp để đảm bảo cho khoản nợ thuê tài chính tại Thuyết minh 20.

Maybank Kim Eng Securities Limited

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND (Đã điều chỉnh lại)	Phần mềm máy vi vính VND	Tổng cộng VND (Đã điều chỉnh lại)
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	2.695.400.144	160.741.756	2.856.141.900
Tăng trong năm	33.447.240	-	33.447.240
Số dư cuối năm	2.728.847.384	160.741.756	2.889.589.140
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư cuối năm	2.454.346.060	160.741.756	2.615.087.816
Khấu hao trong năm	136.442.370	-	136.442.370
Số dư cuối năm	2.590.788.430	160.741.756	2.751.530.186
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	241.054.084	-	241.054.084
Số dư cuối năm	138.058.954	-	138.058.954

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 có các tài sản vô hình với nguyên giá 161 triệu VND đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 161 triệu VND).

12. Xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí xây dựng phát sinh trong năm.

Maybank Kim Eng Securities Limited

13. Chi phí trả trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND (Đã điều chỉnh lại)	Công cụ và dụng cụ VND	Tổng cộng VND (Đã điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm	43.828.121.864	1.962.109.053	45.790.230.917
Tăng trong năm	12.699.116.807	122.159.841	12.821.276.648
Phân bổ trong năm	(1.075.904.307)	(1.816.593.787)	(2.892.498.094)
Số dư cuối năm	55.451.334.364	267.675.107	55.719.009.471

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, chi phí đất trả trước với giá trị ghi sổ là 42.752 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 43.828 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty.

14. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Lợi nhuận chưa thực hiện	888.475.426	1.350.716.301

15. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay ngắn hạn	79.365.096.213	81.048.412.505
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20)	25.428.176.797	23.510.012.145
	104.793.273.010	104.558.424.650

Maybank Kim Eng Securities Limited

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
(i) Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	VND	9,0% - 9,4%	43.522.704.113	34.036.514.139
(ii) Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Bank	VND	8,2% - 10,0%	19.599.521.391	19.876.798.234
(iii) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu	VND	8,9% - 9,7%	12.484.775.607	11.332.307.233
(iv) Cổ đông	VND	12,0%	3.758.095.102	3.795.625.405
Ngân hàng Shinhan Việt Nam.	VND	7,6% - 10,6%	-	12.007.167.494
			79.365.096.213	81.048.412.505

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2 triệu USD (31/12/2013: 2 triệu USD). Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc Chi nhánh, hàng tồn kho và các khoản phải thu thuộc Công ty với giá trị ghi sổ lần lượt là 16.389 triệu VND, 40.000 triệu VND và 50.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: quyền sử dụng đất và nhà cửa: 17.156 triệu VND, hàng tồn kho: 40.000 triệu VND và các khoản phải thu: 50.000 triệu VND).

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20.000 triệu VND). Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất của Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ là 35.518 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 36.412 triệu VND) và khoản bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

(iii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 12.500 triệu VND và 1 triệu USD (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 12.500 triệu VND và 1 triệu USD). Khoản vay được đảm bảo bằng nhà cửa và máy móc thuộc Trụ sở chính với giá trị ghi sổ lần lược là 2.074 triệu VND và 8.816 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.952 triệu VND và 13.630 triệu VND).

(iv) Khoản vay này không được đảm bảo.

16. Thuế phải nộp Ngân sách Nhà nước

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Thuế giá trị gia tăng	490.468.977	166.225.142
Thuế thu nhập doanh nghiệp	6.814.358.671	3.320.551.726
Thuế khác	67.459.152	54.968.669
	7.372.286.800	3.541.745.537

Maybank Kim Eng Securities Limited

17. Chi phí phải trả

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí khuyến mãi	7.176.919.583	7.045.377.120
Chi phí vận chuyển	323.741.895	-
Phí dịch vụ chuyên môn	296.499.997	75.005.002
Chi phí lãi vay	288.211.797	193.942.957
Chi phí nhân công	-	350.733.228
Chi phí khác	329.013.857	361.527.905
	8.414.387.129	8.026.586.212

18. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Cổ tức phải trả	15.086.268.680	27.047.590.424
Phí công đoàn và bảo hiểm	224.997.282	210.283.214
Các khoản phải trả khác	124.956.375	153.251.684
	15.436.222.337	27.411.125.322

19. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị. Quỹ này được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Số dư đầu năm	151.798.467	143.617.820
Trích lập	62.499.027	240.000.000
Sử dụng trong năm	(214.297.494)	(231.819.353)
Số dư cuối năm	-	151.798.467

Maybank Kim Eng Securities Limited

20. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Vay dài hạn (a)	22.006.438.511	20.751.076.802
Nợ thuê tài chính (b)	24.607.661.025	27.999.134.461
	46.614.099.536	48.750.211.263
Hoàn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 15)	(25.428.176.797)	(23.510.012.145)
Hoàn trả sau 12 tháng	21.185.922.739	25.240.199.118

(a) Vay dài hạn

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
(i) Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Bank	VND	7,9%-12,2%	2012-2016	15.639.639.303	19.659.174.847
(ii) Ngân hàng TNHH Một thành viên Hong Leong Bank	VND	9,2%	2014-2018	6.000.000.004	-
(iii) Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	VND	16%	2012-2015	366.799.204	366.799.204
(iv) Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam	VND	16%	2014	-	104.030.447
				22.006.438.511	20.751.076.802

(i) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 20.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 20.000 triệu VND). Nợ gốc của khoản vay này sẽ được trả đều trong vòng 36 tháng kể từ tháng thứ 13 mà được tính từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng của Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ là 19.504 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 21.298 triệu VND) và khoản bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 10.000 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: Không). Nợ gốc của khoản vay này sẽ được trả đều trong vòng 45 tháng kể từ tháng thứ 4 mà được tính từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng nhà xưởng và quyền sử dụng đất của Chi nhánh 2 với giá trị ghi sổ lần lượt là 19.504 triệu VND và 35.518 triệu VND và khoản bảo lãnh cá nhân của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.

Maybank Kim Eng Securities Limited

(ii) Khoản vay này có hạn mức tối đa là 2.358 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.358 triệu VND). Nợ gốc của khoản vay này sẽ được trả đều trong vòng 48 tháng kể từ tháng thứ nhất mà được tính từ ngày giải ngân. Khoản vay được đảm bảo bằng phương tiện vận chuyển với giá trị ghi sổ là 1.814 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.225 triệu VND).

(b) **Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê tài chính không thể hủy ngang như sau:**

31/12/2014	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	17.620.636.070	1.698.185.985	15.922.450.085
Trong vòng hai đến năm năm	9.489.791.576	804.580.636	8.685.210.940
	27.110.427.646	2.502.766.621	24.607.661.025

31/12/2013	Tổng khoản thanh toán tiền thuê tài chính VND	Tiền lãi thuê VND	Nợ gốc VND
Trong vòng một năm	17.154.656.923	2.323.436.622	14.831.220.301
Trong vòng hai đến năm năm	13.767.299.427	599.385.267	13.167.914.160
	30.921.956.350	2.922.821.889	27.999.134.461

Maybank Kim Eng Securities Limited

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND (Đã điều chỉnh lại)	Tổng cộng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 theo báo cáo trước đây	115.700.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	-	29.298.511.923	145.398.511.923
Chênh lệch phát sinh từ việc thay đổi đơn vị tiền tệ kế toán (Thuyết minh 2(d))	-	-	-	14.907.569.048	-	14.907.569.048
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013 đã được điều chỉnh lại	115.700.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.907.569.048	29.298.511.923	160.306.080.971
Vốn cổ phần đã phát hành	7.000.000.000	-	-	-	-	7.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm theo báo cáo trước đây	-	-	-	-	44.776.393.932	44.776.393.932
Điều chỉnh sai sót năm trước (Thuyết minh 36)	-	-	-	-	(5.719.497.752)	(5.719.497.752)
Cổ tức	-	-	-	-	(24.420.000.000)	(24.420.000.000)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(240.000.000)	(240.000.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 được điều chỉnh lại	122.700.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.907.569.048	43.695.408.103	181.702.977.151

Maybank Kim Eng Securities Limited

Mẫu B 09 – DN

	Vốn góp VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Cổ phiếu quỹ VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Vốn cổ phần đã phát hành	40.700.000.000	-	-	-	-	40.700.000.000
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	42.879.423.587	42.879.423.587
Cổ tức (Thuyết minh 24)	-	-	-	-	(56.977.963.472)	(56.977.963.472)
Phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	(62.499.027)	(62.499.027)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	163.400.000.000	1.000.000.000	(600.000.000)	14.907.569.048	29.534.369.191	208.241.938.239

Maybank Kim Eng Securities Limited

22. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	**VND**	**Số cổ phiếu**	**VND**
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành - mệnh giá				
Cổ phiếu phổ thông	16.340.000	163.400.000.000	12.270.000	122.700.000.000
Cổ phiếu quỹ				
Cổ phiếu phổ thông	(60.000)	(600.000.000)	(60.000)	(600.000.000)
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	16.280.000	162.800.000.000	12.210.000	122.100.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

	2014		2013	
	Số lượng cổ phiếu	**VND**	**Số lượng cổ phiếu**	**VND**
Số dư đầu năm	12.210.000	122.100.000.000	11.510.000	115.100.000.000
Cổ phiếu đã phát hành trong năm	4.070.000	40.700.000.000	700.000	7.000.000.000
Số dư cuối năm	16.280.000	162.800.000.000	12.210.000	122.100.000.000

23. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Ngày 1 tháng 1 năm 2014, Công ty chuyển đổi tiền tệ kế toán của mình từ đô la Mỹ ("USD") sang Việt Nam Đồng ("VND") phù hợp với các yêu cầu của Thông tư số 244/2010/TT/BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính ("Thông tư 244"). Theo đó, tất cả các số dư bằng USD tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được chuyển đổi sang VND theo tỷ giá 21.036 VND bằng 1 USD. Vốn cổ phần đã được điều chỉnh theo mệnh giá. Khoản chênh lệch giữa giá trị được qui đổi và mệnh giá của cổ phiếu phổ thông là 14.907.569.048 VND được trình bày trong quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu.

Maybank Kim Eng Securities Limited

24. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 25 tháng 4 năm 2014, Hội đồng Quản trị của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức bằng cổ phiếu 40.700.000.000 VND (1 cổ phiếu cổ tức cho mỗi 3 cổ phiếu hiện hữu) và phân phối cổ tức bằng tiền 16.277.963.472 VND vào ngày 31 tháng 7 năm 2014.

25. Tổng doanh thu

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND **(Đã điều chỉnh lại)**
Lãi tiền gửi và cho vay	4.950.570.369	4.645.376.291
Thu từ thanh lý cổ phiếu	2.774.517.430	898.375.403
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.656.787.799	2.587.370.682
Cổ tức	256.578.934	154.768.010
	12.638.454.532	8.285.890.386

27. Chi phí tài chính

	31/12/2014 VND	**31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)**
Lãi tiền gửi và cho vay	13.302.129.728	13.222.927.115
Lỗ từ thanh lý cổ phiếu	711.133.056	-
Lỗ từ chênh lệch tỷ giá hối đoái	5.775.188.318	1.574.469.051
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	26.909.998	-
	19.815.361.100	14.797.396.166

28. Thu nhập khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Thu từ thanh lý tài sản cố định	9.319.660.376	6.531.678.000
Xóa sổ phải trả người bán	999.805.397	-
Thu nhập khác	895.824.677	664.584.613
	11.215.290.450	7.196.262.613

29. Chi phí khác

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	9.222.604.008	6.531.678.000
Chi phí khác	1.072.585.329	613.150.198
	10.295.189.337	7.144.828.198

30. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	9.678.218.846	6.871.706.867
Chi phí/(lợi ích) thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	462.240.875	(466.262.940)
	10.140.459.721	6.405.443.927

Maybank Kim Eng Securities Limited

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận trước thuế	53.019.883.308	45.462.340.107
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	11.664.374.328	11.365.585.027
Chi phí không được khấu trừ thuế	284.898.653	566.713.857
Ưu đãi thuế	(1.895.372.845)	(6.582.482.904)
Thu nhập không bị tính thuế	(56.447.365)	(38.692.003)
Hoàn nhập chênh lệch tạm thời trong những năm trước	-	(840.459.183)
Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận trong những năm trước	143.006.950	1.934.779.133
	10.140.459.721	6.405.443.927

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 22% trên lợi nhuận tính cho năm 2014 và 2015, và giảm tiếp xuống 20% từ năm 2016 trở đi. Tuy nhiên, điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư của Chi nhánh cho phép Chi nhánh được miễn thuế thu nhập trong ba năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (từ năm 2009 đến năm 2011), và giảm 50% thuế thu nhập trong 5 năm tiếp theo (đến năm 2016)

31. Lãi trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là 42.879 triệu VND (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 39.057 triệu VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 15.061.175 cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 12.169.929 cổ phiếu), được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	42.879.423.587	39.056.896.180

Maybank Kim Eng Securities Limited

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	31/12/2014	31/12/2013 (Đã điều chỉnh lại)
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	12.270.000	11.570.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phát hành trong năm	2.791.175	599.929
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	15.061.175	12.169.929

32. Các công cụ tài chính

(a) Quản lý rủi ro tài chính

(i) Tổng quan

Các loại rủi ro mà Công ty phải đối mặt do việc sử dụng các công cụ tài chính của mình bao gồm:

- rủi ro tín dụng;
- rủi ro thanh khoản; và
- rủi ro thị trường.

Thuyết minh này cung cấp thông tin về từng loại rủi ro nêu trên mà Công ty có thể gặp phải và mô tả các mục tiêu, chính sách và các quy trình Công ty sử dụng để đo lường và quản lý rủi ro.

Hội đồng Quản trị của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra xem Ban Giám đốc giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro của Công ty như thế nào, và soát xét tính thích hợp của khung quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải.

(ii) Khung quản lý rủi ro

Ban Giám đốc có trách nhiệm chung trong việc thiết lập và giám sát khung quản lý rủi ro của Công ty. Ban Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty.

Các chính sách quản lý rủi ro của Công ty được thiết lập để phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty gặp phải, đưa ra các hạn mức và biện pháp kiểm soát rủi ro phù hợp, và theo dõi các rủi ro và tuân thủ theo các hạn mức. Các chính sách và hệ thống quản lý rủi ro được xem xét thường xuyên để phản ánh các thay đổi về điều kiện thị trường và các hoạt động của Công ty. Công ty, thông qua các chuẩn mực và quy trình đào tạo và quản lý, nhằm mục đích phát triển một môi trường kiểm soát có kỷ luật và có tính xây dựng trong đó tất cả các nhân viên hiểu được vai trò và trách nhiệm của họ.

Maybank Kim Eng Securities Limited

(b) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro lỗ tài chính của Công ty nếu một khách hàng hoặc bên đối tác của công cụ tài chính không đáp ứng được các nghĩa vụ theo hợp đồng, và phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng của Công ty.

(i) Ảnh hưởng của rủi ro tín dụng

Tổng giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính thể hiện mức rủi ro tín dụng tối đa. Mức độ rủi ro tín dụng tối đa tại ngày báo cáo như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Tiền gửi ngân hàng	(ii)	30.463.504.802	13.895.862.559
Các khoản tương đương tiền	(ii)	-	12.207.238.972
Phải thu khách hàng và phải thu khác	(iii)	69.289.058.259	66.584.191.284
Đầu tư ngắn hạn	(iv)	20.188.246.079	32.331.909.347
		119.940.809.140	125.019.202.162

(ii) Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền

Tiền gửi ngân hàng và các khoản tương đương tiền của Công ty chủ yếu được gửi tại các tổ chức tài chính danh tiếng. Ban Giám đốc không nhận thấy có rủi ro tín dụng trọng yếu nào từ các khoản tiền gửi này và không cho rằng các tổ chức tài chính này có thể mất khả năng trả nợ và gây tổn thất cho Công ty.

(iii) Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác

Rủi ro tín dụng của Công ty chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng nhà phân phối. Đối phó với những rủi ro này, Ban Giám đốc của Công ty đã thiết lập một chính sách tín dụng mà theo đó mỗi nhà phân phối mới sẽ được đánh giá riêng biệt về độ tin cậy của khả năng trả nợ trước khi Công ty đưa ra các điều khoản và điều kiện giao hàng và thanh toán chuẩn cho nhà phân phối đó đó. Hạn mức mua hàng trả chậm được thiết lập cho mỗi nhà phân phối, thể hiện số dư phải thu tối đa mà không cần phê duyệt bởi Giám đốc Bán hàng và Kiểm soát Tài chính. Hạn mức này được soát xét hàng năm. Khoản phải thu đáo hạn trong vòng 30 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn. Nhà phân phối có số dư phải thu quá hạn được yêu cầu phải thanh toán số dư này trước khi được tiếp tục mua trả chậm. Công ty không nắm giữ tài sản đảm bảo nào từ các nhà phân phối.

Các khoản phải thu khác chủ yếu từ các công ty liên quan và do đó, Ban Giám đốc đánh giá mức độ rủi ro tín dụng có liên quan là thấp.

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá chủ yếu là khoản phải thu từ các công ty có lịch sử trả nợ đáng tin cậy đối với Công ty. Ban Giám đốc tin rằng các khoản phải thu này có chất lượng tín dụng cao.

Maybank Kim Eng Securities Limited

Tuổi nợ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác đã quá hạn nhưng không giảm giá tại thời điểm cuối kỳ/năm như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Quá hạn từ 0 – 30 ngày	1.095.704.342	3.427.646.959
Quá hạn từ 31 – 180 ngày	367.751.478	1.632.330
Quá hạn trên 180 ngày	19.829.647	241.410.602
	1.483.285.467	3.670.689.891

Biến động trong năm của dự phòng các khoản phải thu khó đòi như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Số dư đầu năm	3.810.301.377	-
Tăng dự phòng trong năm	-	3.810.301.377
Hoàn nhập	(210.263.159)	-
Số dư cuối năm	3.600.038.218	3.810.301.377

(iv) Đầu tư ngắn hạn

Trụ sở chính hạn chế ảnh hưởng rủi ro tín dụng bằng cách cho vay đối với các công ty liên quan và các nhân viên thỏa điều kiện và được phê duyệt bởi Ban Giám đốc của Công ty.

Maybank Kim Eng Securities Limited

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro trong đó Công ty không thể thanh toán cho các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn. Phương thức quản lý thanh khoản của Công ty là đảm bảo ở mức cao nhất rằng Công ty luôn có đủ khả năng thanh khoản để thanh toán các khoản phải trả khi đến hạn, trong điều kiện bình thường cũng như trong điều kiện căng thẳng về mặt tài chính, mà không làm phát sinh các mức tổn thất không thể chấp nhận được hoặc có nguy cơ gây tổn hại đến danh tiếng của Công ty.

Các khoản nợ tài chính có khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được bao gồm cả khoản thanh toán tiền lãi ước tính có thời gian đáo hạn theo hợp đồng như sau:

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	2 - 5 năm VND
Vay ngắn hạn	79.365.096.213	86.660.721.768	86.660.721.768		
Phải trả người bán	10.066.092.708	10.066.092.708	10.066.092.708	-	-
Phải trả người lao động	2.249.139.000	2.249.139.000	2.249.139.000	-	-
Chi phí phải trả	8.414.387.129	8.414.387.129	8.414.387.129	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	15.436.222.337	15.436.222.337	15.436.222.337	-	-
Vay và nợ dài hạn	46.614.099.536	51.852.863.898	28.605.835.071	16.556.583.875	6.690.444.952
Nợ phải trả dài hạn khác	5.766.316.672	5.766.316.672	-	5.766.316.672	-
	167.911.353.595	180.445.743.512	151.432.398.013	22.322.900.547	6.690.444.952

Ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ VND	Dòng tiền theo hợp đồng VND	Trong vòng 1 năm VND	1 – 2 năm VND	Hơn 5 năm VND
Vay ngắn hạn	81.048.412.505	88.897.906.947	88.897.906.947	-	-
Phải trả người bán	14.278.744.350	14.278.744.350	14.278.744.350	-	-
Phải trả người lao động	1.258.451.763	1.258.451.763	1.258.451.763	-	-
Chi phí phải trả	8.026.586.212	8.026.586.212	8.026.586.212	-	-
Phải trả ngắn hạn khác	27.411.125.322	27.411.125.322	27.411.125.322	-	-
Vay và nợ dài hạn	48.750.211.263	55.788.228.776	26.560.632.459	18.369.985.651	10.857.610.666
Nợ phải trả dài hạn khác	3.125.437.899	3.125.437.899	-	3.125.437.899	-
	183.898.969.314	198.786.481.269	166.433.447.053	21.495.423.550	10.857.610.666

Maybank Kim Eng Securities Limited

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách duy trì các khoản tiền thặng dư tại ngân hàng.

(d) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà những biến động về giá thị trường, như tỷ giá hối đoái và lãi suất sẽ ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty hoặc giá trị của các công cụ tài chính mà Công ty nắm giữ. Mục đích của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát các rủi ro thị trường trong giới hạn có thể chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận thu được.

(i) Rủi ro tỷ giá hối đoái

Công ty có rủi ro tỷ giá hối đoái không trọng yếu do đa số các giao dịch trọng yếu là bằng đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là VND.

(ii) Rủi ro lãi suất

Công ty không có chính sách gì để giảm nhẹ tính bất ổn tiềm tàng của lãi suất.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Các công cụ tài chính có lãi suất cố định		
Các khoản tương đương tiền	-	12.207.238.972
Đầu tư ngắn hạn	20.188.246.079	32.331.909.347
Vay và nợ ngắn hạn	(3.758.095.102)	(3.795.625.405)
	16.430.150.977	40.743.522.914
Các công cụ tài chính chịu lãi suất thả nổi		
Tiền gửi ngân hàng	30.463.504.802	13.895.862.559
Vay và nợ ngắn hạn	(75.607.001.111)	(77.252.787.100)
Vay và nợ dài hạn	(46.614.099.536)	(48.750.211.263)
	(91.757.595.845)	(112.107.135.804)

Mỗi thay đổi 100 điểm cơ bản của lãi suất sẽ làm tăng hoặc giảm 716 triệu VND lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty (2013: 874 triệu VND). Phân tích này dựa trên giả định là tất cả các biến số khác sẽ không thay đổi, đặc biệt là tỷ giá hối đoái.

(e) Giá trị hợp lý

(i) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính được trình bày tại bảng cân đối kế toán như sau:

	Thuyết minh	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Được phân loại là các khoản cho vay và phải thu:			
- Các khoản cho vay các bên liên quan và người lao động	(i)	20.188.246.079	32.331.909.347
- Tiền và các khoản tương đương tiền	(i)	30.782.035.253	26.138.784.848
- Phải thu khách hàng và phải thu khác	(i)	69.289.058.259	66.584.191.284
Được phân loại là tài sản tài chính sẵn sang để bán			
- Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(ii)	3.962.742.449	4.030.623.816
Được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ:			
- Vay ngắn hạn	(i)	(79.365.096.213)	(81.048.412.505)
- Phải trả người bán	(i)	(10.066.092.708)	(14.278.744.350)
- Phải trả người lao động	(i)	(2.249.139.000)	(1.258.451.763)
- Chi phí phải trả	(i)	(8.414.387.129)	(8.026.586.212)
- Phải trả khác	(i)	(15.436.222.337)	(27.411.125.322)
- Vay và nợ dài hạn	(iii)	(46.614.099.536)	(48.750.211.263)
- Nợ phải trả dài hạn khác	(iii)	(5.766.316.672)	(3.125.437.899)
		(43.689.271.555)	(54.813.460.019)

(ii) Cơ sở xác định giá trị hợp lý được trình bày như sau:

(i) Tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản cho vay các bên liên quan và người lao động, phải thu khách hàng và phải thu khác, phải trả người bán, vay ngắn hạn và phải trả khác

Giá trị ghi sổ của các tài sản và nợ phải trả tài chính này xấp xỉ giá trị hợp lý do các công cụ này có thời gian đáo hạn ngắn.

(ii) Đầu tư ngắn hạn

Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán dựa trên giá thị trường của công cụ đã niêm yết tại ngày 31 tháng 12 năm 2014. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư chứng khoán chênh lệch không đáng kể so với giá trị ghi sổ của chúng.

Maybank Kim Eng Securities Limited

(iii) Tài sản tài chính dài hạn khác, vay và nợ dài hạn

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch sau với các bên liên quan:

	2014 VND	2013 VND
Công ty TNHH Siam Holdings Vietnam		
Bán hàng hóa	10.892.800	105.078.649
Mua tài sản cố định	11.155.760.000	5.831.251.901
Phí bảo trì	3.760.000.000	3.884.189.491
Chi phí sửa chữa	140.450.000	548.178.152
Cho vay	-	10.719.999.999
Thu hồi nợ vay	3.500.000.000	-
Thu nhập lãi cho vay	935.780.076	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn		
Phí thuê đất	12.699.116.807	-
Thu hồi nợ vay	4.000.496.140	-
Thu nhập lãi cho vay	2.800.147.963	4.125.198.328
Vốn hóa thu nhập lãi cho vay	6.295.346.291	-
Cấn trừ đầu tư khác với cổ tức phải trả	10.000.000.000	-
Cho vay	-	25.486.555.248

Maybank Kim Eng Securities Limited

34. Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.127.159.500	847.957.500
Từ hai đến năm năm	918.620.625	1.766.578.125
	2.045.780.125	2.614.535.625

35. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	2014 VND	2013 VND (Đã điều chỉnh lại)
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	236.506.345.269	256.444.311.837
Chi phí nhân công	44.383.859.255	36.118.521.714
Chi phí khấu hao	24.597.031.174	21.500.575.130
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	8.989.732.977	1.651.612.943

36. Số liệu so sánh

Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Công ty đã phát hiện một số sai sót trong báo cáo tài chính tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013. Công ty đã áp dụng chính sách hồi tố để điều chỉnh các sai sót này bằng cách điều chỉnh lại số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014 và các số liệu so sánh tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013:

- Công ty phân loại lại một số khoản phải thu khác sang đầu tư tài chính ngắn hạn tương đương 32.331.932.316 VND.
- Công ty ghi nhận giảm doanh thu và phải thu khách hàng tương đương 1.069.078.970 VND do Công ty ghi nhận thừa doanh thu trong năm 2013.
- Công ty ghi nhận tăng dự phòng phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá hàng tồn kho với các giá trị tương đương lần lượt là 3.709.319.952 VND và 1.568.275.872 VND do dự phòng lập không đủ tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.
- Công ty ghi nhận tăng hàng tồn kho tương đương 2.828.694.898 VND do Công ty ghi nhận thiếu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Maybank Kim Eng Securities Limited

- Công ty phân loại lại một số tài sản ngắn hạn khác sang các khoản phải thu khác tương đương 10.283.566.431 VND đối với các khoản phải thu từ các cổ đông.

- Công ty phân loại lại từ tài sản cố định vô hình sang chi phí trả trước dài hạn tương đương 43.828.133.433 VND do Công ty áp dụng phi hồi tố Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Theo đó, quyền sử dụng đất đối với đất thuê sau ngày 1 tháng 7 năm 2004 (ngày có hiệu lực thi hành của Luật đất đai năm 2003) được ghi nhận là chi phí trả trước dài hạn.

- Công ty ghi nhận tăng tài sản thuế thu nhập hoãn lại tương đương 1.350.716.301 VND phát sinh từ việc điều chỉnh lợi nhuận chưa thực hiện.

- Công ty ghi nhận tăng phải trả người bán, chi phí phải trả và dự phòng ngắn hạn với các giá trị tương đương lần lượt là 1.622.921.511 VND, 616.307.091 VND và 1.275.223.356 VND, do các quyền và nghĩa vụ này đã hiện hữu tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

- Công ty phân loại lại thu nhập tiền lãi từ Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Việt Sơn từ thu nhập khác sang doanh thu hoạt động tài chính với giá trị tương đương 4.125.201.672 VND.

- Công ty đã cần trừ khoản thu nhập khác và chi phí khác tương đương 9.755.402.928 VND liên quan đến việc mua bán nội bộ tài sản cố định.

- Công ty đã chuyển đổi tiền tệ kế toán từ USD sang VND (Thuyết minh 2(d)) và phát sinh chênh lệch do việc chuyển đổi đơn vị tiền tệ này là 14.907.569.048 VND.

Maybank Kim Eng Securities Limited

Maybank Kim Eng Securities Limited

Bảng tóm tắt số liệu đã trình bày trong năm trước và sau khi được điều chỉnh như sau:

Bảng cân đối kế toán

	31/12/2013 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh VND	31/12/2013 (điều chỉnh lại/ phân loại lại) VND
Đầu tư ngắn hạn	4.030.600.847	32.331.932.316	36.362.533.163
Phải thu khách hàng	47.713.492.192	(1.069.078.970)	46.644.413.222
Các khoản phải thu khác	45.798.443.520	(22.048.364.081)	23.750.079.439
Dự phòng phải thu khó đòi	(100.981.425)	(3.709.319.952)	(3.810.301.377)
Hàng tồn kho	26.200.963.236	2.828.694.898	29.029.658.134
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(223.368.662)	(1.568.275.872)	(1.791.644.534)
Tài sản ngắn hạn khác	14.205.650.426	(10.283.566.431)	3.922.083.995
Tài sản cố định vô hình - Nguyên giá	47.359.483.619	(44.503.341.719)	2.856.141.900
Tài sản cố định vô hình - Giá trị hao mòn lũy kế	(3.290.296.102)	675.208.286	(2.615.087.816)
Chi phí trả trước dài hạn	1.962.109.054	43.828.121.863	45.790.230.917
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	1.350.716.301	1.350.716.301
Phải trả người bán	12.655.822.839	1.622.921.511	14.278.744.350
Chi phí phải trả	7.410.279.121	616.307.091	8.026.586.212
Dự phòng dài hạn	-	1.275.223.356	1.275.223.356
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	14.907.569.048	14.907.569.048
Lợi nhuận chưa phân phối (chuyển đổi với tỷ giá 21.036 VND bằng 1 USD)	49.414.905.855	(5.719.497.752)	43.695.408.103

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Năm kết thúc 31/12/2013 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh VND	Năm kết thúc 31/12/2013 (điều chỉnh lại/ phân loại lại) VND
Tổng doanh thu	369.134.701.559	(1.313.263.559)	367.821.438.000
Giá vốn hàng bán	261.058.689.778	904.401.006	261.963.090.784
Doanh thu hoạt động tài chính	4.146.695.598	4.139.194.788	8.285.890.386
Chi phí tài chính	14.808.787.814	(11.391.648)	14.797.396.166
Chi phí bán hàng	26.031.833.925	626.266.868	26.658.100.793
Chi phí quản lý doanh nghiệp	22.890.842.238	4.174.673.966	27.065.516.204
Thu nhập khác	21.009.708.168	(13.813.445.555)	7.196.262.613
Chi phí khác	16.784.392.506	(9.637.830.102)	7.144.828.198
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	6.843.393.024	28.313.843	6.871.706.867
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	884.453.361	(1.350.716.301)	(466.262.940)
Lợi nhuận thuần sau thuế	44.776.393.932	(5.719.497.752)	39.056.896.180

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

	Năm kết thúc 31/12/2013 (theo báo cáo trước đây) VND	Điều chỉnh VND	Năm kết thúc 31/12/2013 (điều chỉnh lại/ phân loại lại) VND
Lợi nhuận trước thuế	52.504.240.317	(7.071.948.259)	45.462.340.107
Các khoản dự phòng	-	5.277.595.824	5.277.595.824
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	1.642.939.590	1.717.036.965	3.359.976.555
Thu từ phát hành cổ phiếu	7.007.210.000	(7.210.000)	7.000.000.000

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Bình
Kế toán trưởng

Người duyệt:

Veerapong Sawatyanon
Phó Tổng Giám đốc